

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XIV)

**thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu
Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045**

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là chủ trương lớn, xuyên suốt luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm. Thời gian qua, nhất là từ năm 2010 đến nay, tỉnh Bình Thuận đã tập trung cơ cấu lại mô hình tăng trưởng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2013 – 2022 đạt gần 7%/năm. Quy mô giá trị GRDP của tỉnh tăng từ 38.286 tỷ đồng (năm 2013) lên 96.700 tỷ đồng (năm 2022), tăng gấp 2,5 lần. GRDP bình quân đầu người từ 1.530,4 USD (năm 2013) tăng lên 3.283,6 USD (năm 2022), tăng gấp 2,1 lần. Thu nhập bình quân đầu người từ 28,2 triệu đồng (năm 2013) tăng lên 77,3 triệu đồng (năm 2022), tăng gấp 2,74 lần. Hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu tiếp tục được quan tâm đầu tư. Tiềm năng, lợi thế của tỉnh từng bước phát huy hiệu quả. Bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho 24.200 lao động. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường được quan tâm đầu tư. Quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch còn chậm, chất lượng tăng trưởng chưa cao; các yếu tố khoa học - công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực kết tinh trong tăng trưởng còn thấp. Sản xuất công nghiệp phát triển thiếu cân đối, tăng trưởng chủ yếu dựa vào công nghiệp năng lượng; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo còn thấp. Sản xuất nông nghiệp trên cả 03 lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản còn nhiều khó khăn, tăng trưởng chưa bền vững; ứng dụng khoa học - công nghệ trong chế biến sản phẩm nông nghiệp còn yếu; giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp chưa cao. Kinh tế du lịch tăng trưởng khá nhưng chưa tương xứng với tiềm năng; du lịch chưa thật sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đô thị hóa chưa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do: Kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh chưa đồng bộ. Việc huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực phục

vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu. Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh chưa cao; tỉnh chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ. Nhận thức về vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa cao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Huy động và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực; phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo thúc đẩy tăng trưởng xanh, trọng tâm là phát triển 03 trụ cột: (1) Công nghiệp, nông cốt là công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao được tổ chức thành các cụm liên ngành; (2) Dịch vụ, nông cốt là các loại hình du lịch, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí, thể thao, dịch vụ logistics, dịch vụ thương mại; (3) Nông nghiệp với trọng tâm là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sinh thái gắn với những chuỗi sản xuất nông - công nghiệp chế biến - tiêu thụ sản phẩm.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt từ 7,5 - 8,0%. GRDP bình quân đầu người đạt từ 7.800 – 8.000 USD. Đóng góp của nhân tố tổng hợp TFP vào tăng trưởng kinh tế khoảng 50%.

- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP của tỉnh đạt từ 18 - 20%; Tỷ trọng kinh tế số chiếm tỷ trọng trong GRDP của tỉnh đạt khoảng 30%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân từ 11,5 – 13%/năm (giai đoạn 2021 - 2025 tăng từ 11,5 - 12,5%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 tăng 13%/năm), trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt bình quân trên 10%/năm.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 30%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 80%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 39 - 40%. Đào tạo kỹ năng số cơ bản cho 50% dân số tỉnh.

- Tỷ lệ đô thị hoá đạt khoảng 50,8%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045, phấn đấu cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, thân thiện môi trường.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và nhân dân về nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp

hoá, hiện đại hoá đến năm 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp theo hướng có hàm lượng khoa học - công nghệ và giá trị gia tăng cao; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao. Giai đoạn 2031 – 2045, tập trung nâng cao chất lượng công nghiệp hóa và đẩy mạnh hiện đại hóa toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội.

- Thực hiện phân công, phân cấp triệt để trong quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; bảo đảm nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Nâng cao năng lực dự báo; cụ thể hóa bộ tiêu chí của trung ương về đánh giá kết quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, gắn trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện.

2. Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng, các cơ chế, chính sách của Nhà nước có liên quan đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn trong ngành công nghiệp phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng. Phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại.

- Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách của tỉnh về công nghệ số, chuyên đổi năng lượng xanh, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao,... phù hợp với cơ chế, chính sách của Trung ương và điều kiện của tỉnh. Cụ thể hóa các quy định của pháp luật, chính sách liên quan đến khoa học - công nghệ và đổi mới, sáng tạo theo hướng tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới, sáng tạo.

- Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, tạo đột phá cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là đường bộ và các hạ tầng dùng chung, hạ tầng liên kết vùng. Triển khai đúng, kịp thời các cơ chế, chính sách về đền bù, hỗ trợ tái định cư, thu hồi đất phục vụ các dự án phát triển kết cấu hạ tầng quan trọng cấp quốc gia, cấp vùng và các công trình trọng điểm của tỉnh.

- Rà soát tiêu chí kêu gọi, lựa chọn đầu tư đối với từng ngành, lĩnh vực đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Xây dựng ngành công nghiệp vững mạnh, tự lực, tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 31/12/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ưu

tiên phát triển ngành công nghiệp năng lượng, chế biến, chế tạo,... Thực hiện chuyển đổi năng lượng xanh, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp năng lượng bao gồm cả phát triển công suất nguồn và hệ thống lưới điện đồng bộ, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1, đưa Bình Thuận trở thành trung tâm năng lượng lớn của quốc gia; trong đó ưu tiên phát triển điện khí LNG, năng lượng tái tạo, nhất là điện gió ngoài khơi; nghiên cứu, phát triển sản xuất và sử dụng năng lượng hydrogen. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, nhất là các sản phẩm có lợi thế của tỉnh; công nghiệp dệt may, da giày tạo giá trị gia tăng cao theo quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa. Tăng cường thu hút đầu tư và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất thiết bị năng lượng sạch, tái tạo, hệ thống pin lưu trữ, sử dụng công nghệ và sản phẩm tiết kiệm năng lượng, gắn với đào tạo, chuyển giao công nghệ.

- Thực hiện tốt việc quản lý, khai thác và chế biến sâu quặng sa khoáng titan gắn với bảo vệ môi trường. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương làm tốt công tác xúc tiến đầu tư, thu hút những nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm, công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường để khai thác, chế biến sâu sa khoáng titan. Thực hiện nhất quán chủ trương không cấp phép sử dụng nước mặn, nước ngầm để tuyển quặng sa khoáng titan.

- Thúc đẩy tiến độ đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch; thu hút, khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, nhất là công nghiệp hỗ trợ ngành năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến sâu sa khoáng titan, công nghiệp điện, điện tử. Nghiên cứu đầu tư cụm công nghiệp gắn với Cảng Quốc tế Vĩnh Tân chuyên sản xuất thiết bị phục vụ phát triển điện gió trên bờ và ngoài khơi.

- Nâng cao năng lực ngành xây dựng. Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng hiện đại, đáp ứng cơ bản nhu cầu của tỉnh; hạn chế, tiến tới dừng các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường; ưu tiên phát triển vật liệu mới thân thiện với môi trường, vật liệu xây dựng tái chế, nhất là tro, xỉ than từ các nhà máy của Trung tâm Nhiệt điện Vĩnh Tân.

- Tiếp tục nghiên cứu đổi mới, nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, tiềm năng, thế mạnh, chính sách khuyến khích đầu tư để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, có tiềm lực tài chính, công nghệ hiện đại, công nghệ sạch, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguyên liệu của địa phương và linh phụ kiện sản xuất trong nước.

4. Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phát triển du lịch

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 42-CTr/TU, ngày 14/11/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp

hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 10/5/2021 của Tỉnh ủy về phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao. Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng kết nối nông thôn với đô thị, nhất là hạ tầng thủy lợi, thủy sản, giao thông vận tải, hạ tầng thương mại, kho bãi, bảo quản, chế biến nông sản; đẩy nhanh xây dựng hạ tầng số và dữ liệu số nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ cho các nông sản chủ lực của tỉnh. Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, thúc đẩy cơ giới hóa, hiện đại hóa, số hóa một cách đồng bộ trong toàn bộ chuỗi cung ứng; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỉ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách về đất đai, tín dụng, tài chính, khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn để thúc đẩy và hỗ trợ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng dịch vụ thương mại và logistics tương đối đồng bộ, hiện đại ở các khu đô thị, khu du lịch, khu dân cư tập trung; tăng cường kết nối thương mại liên vùng, quốc gia để Bình Thuận trở thành đầu mối giao thương, một trong những trung tâm thương mại và logistics trong mối quan hệ chặt chẽ với vùng Đông Nam bộ, tiểu vùng duyên hải Nam Trung bộ và các tỉnh Tây Nguyên. Tiếp tục phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ phục vụ tốt hơn nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống nhân dân. Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ số, nhất là trong các lĩnh vực thương mại điện tử, các dịch vụ mới của nền kinh tế số; phát triển mạnh dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 24/10/2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; phấn đấu sớm đưa du lịch Bình Thuận trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Cụ thể hóa kịp thời các chủ trương của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị.

- Đào tạo, bồi dưỡng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khơi nguồn và hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tổ chức các hoạt động thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, sáng tạo có giá trị thực tiễn và thương mại hóa

cao. Triển khai cơ chế chính sách hỗ trợ và phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật dịch vụ phục vụ hoạt động hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ thành lập cơ sở ương tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ; hỗ trợ các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp thành lập các trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư cho hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ có tính ứng dụng cao. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước; quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ một cách hiệu quả. Triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP.

- Xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học - công nghệ trình độ cao. Triển khai các giải pháp nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

- Tăng cường triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học - công nghệ theo hướng ưu tiên nghiên cứu phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp năng lượng, nông nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao có khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

- Triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các trường phổ thông. Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ cho lực lượng lao động nông thôn; tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề; phát triển nhân lực nghiên cứu, chuyên gia trong nông nghiệp. Khuyến khích phát triển các nền tảng dạy và học trực tuyến mở, các mô hình đào tạo mới thích ứng với quá trình chuyển đổi số.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 28/12/2021 của Tỉnh ủy (khóa XIV) về đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đến năm 2025. Đầu tư, hoàn thành tuyến đường ven biển theo quy hoạch, các tuyến đường kết nối 04 trục giao thông quan trọng: Đường quốc lộ, đường cao tốc, đường sắt Bắc - Nam, đường ven biển, các tuyến đường kết nối với Cảng hàng không Phan Thiết, Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, Cảng Sơn Mỹ... Tiếp tục đầu tư các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp III.

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ của địa phương để đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đoạn thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang (qua địa bàn tỉnh) theo chủ trương của Trung ương; đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến Quốc lộ 28B, Quốc lộ 28 và Quốc lộ 55, thúc đẩy phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây và tăng cường kết nối giữa tỉnh Bình Thuận với Tây Nguyên.

- Đẩy nhanh tiến độ, xây dựng hoàn thiện Cảng hàng không Phan Thiết, phân đầu sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục hàng không dân dụng vào giữa năm 2024. Mở rộng Cảng tổng hợp Vĩnh Tân; đầu tư xây dựng mới một số cảng trên địa bàn tỉnh, trong đó có cảng biển du lịch và Cảng Sơn Mỹ phục vụ phát triển công nghiệp, điện khí LNG.

- Thúc đẩy tiến độ đầu tư hoàn thiện các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, các khu du lịch trọng điểm.

- Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo. Cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng và đầu tư trang thiết bị hiện đại cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh, các bệnh viện đa khoa khu vực và các Trung tâm y tế cấp huyện. Đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao, đảm bảo đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã theo quy định.

- Đầu tư phát triển hạ tầng số của tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số. Phát triển hạ tầng mạng thông tin di động 4G, 5G; phát triển hạ tầng IoT phục vụ xây dựng đô thị thông minh; đảm bảo 100% các khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch, các tuyến đường xây dựng mới thực hiện ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp công nghệ số có tiềm lực tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số theo hình thức xã hội hóa và hợp tác công - tư.

- Triển khai lập Quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch các khu chức năng theo thẩm quyền và quy chế quản lý kiến trúc nhằm tăng tỷ lệ phủ kín quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra theo Chương trình hành động số 45-CTr/TU, ngày 19/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Hình thành một số khu đô thị mới, hiện đại cả 03 khu vực: Phía Bắc tỉnh (*Liên Hương, Chợ Lầu, Phan Rí Cửa, Lương Sơn, Phú Long, Ma Lâm*), phía Nam tỉnh (*La Gi, Thuận Nam, Tân Nghĩa, Tân Minh, Lạc Tánh, Võ Xu, Đức Tài*) và khu vực đô thị trung tâm tỉnh; trước hết hình thành các khu đô thị mới theo định hướng mở rộng thành phố Phan Thiết; đô thị Vĩnh Tân (huyện Tuy Phong), đô thị Sơn Mỹ (huyện Hàm Tân)... Phát triển hệ thống đô thị, trước hết là các trung tâm huyện lỵ có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu; gắn với phát triển khu kinh tế, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu du lịch, các trung tâm thương mại, dịch vụ; đồng thời, gắn kết chặt chẽ với các tỉnh, thành phố trong tiểu vùng duyên hải miền Trung.

- Thực hiện đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm, không đầu tư dàn trải, manh mún; tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng đô thị, các công trình giao thông

kết nối vùng và tỉnh, hạ tầng phát triển công nghiệp, du lịch, nông nghiệp và hạ tầng y tế, giáo dục.

7. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Thực hiện tốt Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Chương trình hành động số 43 -CTr/TU, ngày 14/11/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, có kinh nghiệm, uy tín và năng lực thực hiện đầu tư vào Bình Thuận để làm đầu tàu dẫn dắt, tạo động lực và hiệu ứng lan tỏa, kéo theo các nhà đầu tư khác cùng tham gia đầu tư, thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các hình thức liên kết, hợp tác sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Chú trọng phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xanh, tuần hoàn.

Nghiên cứu, xây dựng các chủ trương, biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp theo các nghị quyết của Chính phủ. Thực hiện quyết liệt các giải pháp cải thiện và nâng cao các Chỉ số về cải cách hành chính (PAR index), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS). Thực hiện đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở và cấp huyện (DDCI). Thường xuyên đối thoại, đồng hành với doanh nghiệp và người dân; giải quyết hài hòa các lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người dân. Quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các khu, cụm công nghiệp, ưu tiên thu hút các dự án đầu tư công nghiệp chế biến, sản xuất thiết bị điện, linh kiện điện tử, công nghiệp phụ trợ, sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, bảo đảm tiêu chuẩn về môi trường; thu hút lao động có kỹ năng của các tập đoàn đa quốc gia gắn với yêu cầu chuyên giao tri thức, công nghệ, kỹ năng quản trị và đào tạo nhân lực tại chỗ.

8. Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh, bền vững

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính theo nguyên tắc thị trường; tiếp tục đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ưu tiên nguồn lực đầu tư cho phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, hạ tầng năng lượng, chuyển đổi số, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách đặt hàng, mua sắm công để thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ và sản xuất. Thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách để hướng tín dụng tập trung vào lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên nhằm thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao,...

9. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước

- Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước thực hiện kinh tế tuần hoàn ở những lĩnh vực, những khâu có điều kiện.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp tái chế, tái tạo, thân thiện với môi trường, sử dụng triệt để chất thải rắn, chất thải công nghiệp, tái chế chất thải xây dựng. Mở rộng phạm vi, tăng tỷ trọng mua sắm công đối với sản phẩm thân thiện môi trường. Khuyến khích phát triển dịch vụ cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái tự nhiên.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tích cực thực hiện các chương trình giáo dục cộng đồng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức của nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Giảm tối đa sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần.

- Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 06/7/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới.

10. Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo đảm tốt an sinh xã hội

- Triển khai Đề án Hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Bình Thuận gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng môi trường văn hóa số và dịch vụ văn hóa gắn với phát triển du lịch. Tiếp tục đẩy mạnh việc hoàn thiện, phát huy hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Tăng cường phát triển hạ tầng văn hóa ở nông thôn, miền núi, hải đảo.

- Tập trung ưu tiên đầu tư thích đáng, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng, phát triển mạnh mẽ giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng, có bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tình hình mới. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân; đảm bảo nhà ở xã hội dành cho người lao động có thu nhập thấp; bảo đảm đáp ứng đồng bộ hạ tầng xã hội thiết yếu về giao thông, y tế, giáo dục, văn hóa của các khu nhà ở, tạo chỗ ở ổn định, nâng cao đời sống để công nhân an tâm lao động sản xuất.

- Triển khai công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài bảo đảm hiệu quả, lựa chọn những doanh nghiệp có uy tín, chất lượng và có các đơn hàng làm việc tại các nước có thu nhập cao, việc làm ổn định để triển khai tuyển chọn lao động, mở rộng cơ hội việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức và doanh nhân của tỉnh thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Triển khai hiệu quả các kế hoạch, chiến lược, chương trình về phát triển đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân, xây dựng văn hóa kinh doanh tiên tiến, giàu bản sắc và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế; đảm bảo tính hài hòa, cân đối giữa y tế công lập và ngoài công lập, giữa các địa phương và hội nhập quốc tế. Hoàn thành quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế và tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên môn. Thực hiện có hiệu quả Đề án bệnh viện vệ tinh. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, hải đảo; các lĩnh vực phong, lao, tâm thần; nhóm dân số đặc thù,... Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các cơ sở y tế công lập.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản cho người dân; khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất và dịch vụ có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ

trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi. Thực hiện đồng bộ 03 chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững; Xây dựng nông thôn mới; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi người có công và trợ giúp xã hội. Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” với phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, ngày càng thiết thực, hiệu quả.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này của Tỉnh ủy.

2. Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này của Tỉnh ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan, ban đảng của Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh quán triệt Chương trình hành động này, xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện.

3. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng và Vụ II tại T78,
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Thanh niên,
- Các sở, ban, ngành,
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (HMT).

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Dương Văn An